TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2018
V/v: Ly hôn giữa anh H và chị M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện
2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Bà Trần Ngọc Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Thanh H, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Phương M, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-7-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1990, anh Võ Thanh H và chị Huỳnh Thị Phương M tự nguyện yêu thương nhau và về chung sống vợ chồng cho đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27-11-2007.

Những năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cự cãi, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn và trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh H đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu

thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, anh H và chị M đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh H và chị M có 03 người con chung tên Võ Chí D, sinh năm 1992; Võ Ngọc Nh, sinh năm 1993 và Võ Thị Ngọc S, sinh năm 1999, nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Phương M: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa chị M vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Võ Thanh H đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Phương M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Huỳnh Thị Phương M chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Võ Thanh H, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị M vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Võ Thanh H và chị Huỳnh Thị Phương M chung sống với nhau vào năm 1990 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đến năm 2007 anh chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện C,

tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27-11-2007, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Thanh H:* Vợ chồng anh H và chị M không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa thể hiện qua lời trình bày của anh H tại Toà án: Anh H và chị M có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn và trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh H đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặt khác, anh H và chị M đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay mà tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Toà án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh H xin ly hôn với chị M là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung:* Anh H và chị M có 03 người con chung tên Võ Chí D, sinh năm 1992; Võ Ngọc Nh, sinh năm 1993 và Võ Thị Ngọc S, sinh năm 1999, nay các người con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập chị M đúng theo quy định pháp luật nhưng chị M vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa anh H và chị M được. Mặt khác, tại Toà án cũng như tại phiên toà anh H xác nhận trong thời gian chung sống cùng chị M, anh chị không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Cho nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] *Về án phí:* Anh H là nguyên đơn trong vụ án, do đó anh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Võ Thanh H và chị Huỳnh Thị Phương M.

2. Về nuôi con chung: Anh H và chị M có 03 người con chung tên Võ Chí D, sinh năm 1992; Võ Ngọc Nh, sinh năm 1993 và Võ Thị Ngọc S, sinh năm 1999, nay các người con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Võ Thanh H phải nộp 300.000 đồng nhưng anh H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006591 ngày 31-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Anh H không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Anh Võ Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Huỳnh Thị Phương M vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân